

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**

Phú Yên, tháng 05 năm 2015

MỤC LỤC

KÝ HIỆU VIẾT TẮT	4
PHẦN I GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP	5
I. TỔNG QUAN.....	5
1. Giới thiệu về Công ty.....	5
2. Ngành, nghề kinh doanh	5
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu	6
4. Quá trình hình thành và phát triển	6
5. Cơ cấu tổ chức và quản lý.....	8
6. Danh sách các chi nhánh.....	10
7. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa	10
8. Các rủi ro dự kiến.....	18
II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.....	19
1. Thực trạng về tài sản cố định.....	19
2. Tổng diện tích đất đai doanh nghiệp đang quản lý và sử dụng.....	20
3. Thực trạng về tài chính, công nợ	22
4. Thực trạng về lao động	23
5. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý kèm theo Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 27/3/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên về việc Phê duyệt Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo phương pháp tài sản của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên.....	24
III.KẾT LUẬN.....	25
PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA.....	26
I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN	26
1. Cơ sở pháp lý	26
2. Mục tiêu cổ phần hóa.....	27
3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa.....	27
4. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa.....	28
II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	31
1. Hình thức cổ phần hóa	31
2. Tên Công ty cổ phần:	31
3. Ngành nghề kinh doanh dự kiến:	31
4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ.....	32
5. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá.....	33

6. Loại cổ phần và phương thức phát hành	39
7. Chi phí cổ phần hóa.....	40
8. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa	41
9. Phương án sắp xếp lại lao động	42
10. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty.....	45
11. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển sau khi cổ phần hóa.....	49
II. KIẾN NGHỊ - KẾT LUẬN.....	52
PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT	53

KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BCTC	Báo cáo tài chính
BHXXH	Bảo hiểm xã hội
CBCNV	Cán bộ Công nhân viên
Công ty	Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên
DT	Doanh thu
UBND	Ủy ban nhân dân
GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
HĐQT	Hội đồng quản trị
HĐTV	Hội đồng thành viên
LN	Lợi nhuận
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LNST	Lợi nhuận sau thuế
TSCĐ	Tài sản cố định
HTD	Hàng tiêu dùng
NMN	Nhà máy nước

PHẦN I

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. TỔNG QUAN

1. Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty : **CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**
- Tên tiếng Anh : **PHU YEN WATER SUPPLY & DRAINAGE ONE MEMBER LIABILITY LIMITED COMPANY**
- Tên viết tắt : **PYWASUDCO**
- Trụ sở chính : **Số 05 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.**
- Điện thoại : **057 3827030– 057 3823557** Fax: 0573 828388
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 4400115690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp, đăng ký lần đầu ngày 15/03/2006 và thay đổi lần thứ nhất ngày 15/11/2011.

2. Ngành, nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4400115690 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Phú Yên cấp, đăng ký lần đầu ngày 15/3/2006, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 15/1/2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 6/9/2014. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết ngành nghề kinh doanh: Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch.	3600 (chính)
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết ngành nghề kinh doanh: Khoan, thăm dò, điều tra khảo sát nguồn nước ngầm phục vụ cho các công trình cấp nước; thiết kế các công trình cấp, thoát nước; theo dõi, giám sát thi công các công trình cấp thoát nước; lập dự án đầu tư các công trình cấp thoát nước.	7110
3	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết ngành nghề kinh doanh: Thi công xây lắp các công trình cấp thoát nước.	4290
4	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết ngành nghề kinh doanh: Mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước.	4663
5	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết ngành nghề kinh doanh: Sản xuất bê tông đúc sẵn, bao gồm: ống công, gối đỡ công, tấm đan.	2395
6	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết ngành nghề kinh doanh: Gia công phụ kiện chuyên ngành	2599

TT	Tên ngành	Mã ngành
	nước như BB, BU, côn, cút, tê.	
7	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết ngành nghề kinh doanh: Sản xuất cát, sỏi lọc nước	2399
8	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết ngành nghề kinh doanh: Sản xuất ron cao su các loại, gia công phụ kiện các loại chuyên ngành cấp thoát nước	2013
9	Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết ngành nghề kinh doanh: Hoạt động vệ sinh môi trường (Dịch vụ thoát nước đô thị)	3700

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

3.1. Về hoạt động cấp nước:

Công ty hiện đang quản lý vận hành 09 nhà máy nước có tổng công suất 44.100 m³/ngày (công suất khai thác hiện tại đạt hơn 70%), cung cấp nước sạch cho thành phố Tuy Hòa, thị xã Sông Cầu, 06 thị trấn và 03 Khu Công nghiệp (*Hòa Hiệp, An Phú, Đông Bắc Sông Cầu*) trên địa bàn toàn tỉnh. Công ty đã xây dựng và phát triển 502 km đường ống các loại, cung cấp nước sạch cho hơn 43.000 khách hàng.

3.2. Về hoạt động thoát nước:

Công ty hiện đang thực hiện dịch vụ công ích (đặt hàng) về thực hiện công tác duy tu, sửa chữa, nạo vét hệ thống thoát nước thành phố Tuy Hòa với tổng chiều dài đường ống thoát nước là 76km.

Đồng thời tổ chức đào tạo nhân lực, chuẩn bị tiếp nhận vận hành nhà máy xử lý nước thải (giai đoạn 1) từ dự án Phát triển đô thị vừa và nhỏ miền Trung do ADB tài trợ với tổng mức đầu tư 118 tỷ đồng, bao gồm các hạng mục: Xây dựng tuyến ống chuyển tải chính và tuyến ống thu gom nước thải từ các hộ dân cho một số khu vực trung tâm thành phố Tuy Hòa, 03 trạm bơm tăng áp và khu xử lý nước thải.

4. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên là Ban Quản lý các công trình nhà máy nước tỉnh Phú Yên và đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển cho đến nay.

Giai đoạn T9/1996 – T8/2000:

Được thành lập vào ngày 28/09/1996 trên cơ sở tổ chức lại Ban Quản lý các công trình nhà máy nước tỉnh Phú Yên, với tên gọi là Công ty Cấp nước Phú Yên hoạt động công ích theo Quyết định số 1443/QĐ-UB của UBND Tỉnh, quản lý và khai thác nhà máy nước thị xã Tuy Hòa với công suất là 5.000m³/ngày.

Đến ngày 14/4/1997 tiếp nhận NMN Sông Cầu, công suất 2.000m³/ngày và ngày 16/6/1999 tiếp nhận NMN Tuy An, công suất 1.000m³/ngày.

Từ năm 1997 đến năm 2000, Công ty tiến hành đầu tư mới hai NMN: Sông Hình với công suất 2.000 m³/ngày và Đồng Xuân với công suất 2.000m³/ngày; mở rộng NMN Tuy Hòa từ 5.000 m³/ngày lên 7.000 m³/ngày, Sông Cầu từ 2.000 lên 3.000 m³/ngày, số lượng khách hàng tiêu thụ nước từ 600 khách hàng lúc thành lập lên 6.300 khách hàng với tổng công suất toàn Công ty quản lý khai thác là 15.000 m³/ngày.

Giai đoạn T9/2000 – T11/2005:

Ngày 14/8/2000 Công ty được đổi tên thành Công ty Cấp Thoát nước Phú Yên theo Quyết định số 2025/QĐ-UB của UBND Tỉnh với chức năng, nhiệm vụ được giao thêm là quản lý, khai thác, duy tu, sửa chữa hệ thống thoát nước thị xã Tuy Hòa (nay là thành phố Tuy Hòa) với 18km đường ống thoát nước các loại. Đến năm 2005, Công ty đã quản lý, vận hành 39 km đường ống.

Trong giai đoạn này, Công ty đã đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước đến các khu công nghiệp Hòa Hiệp thuộc huyện Đông Hòa, An Phú thuộc TP Tuy với đường ống cấp nước D200-300, nâng cấp NMN Tuy Hòa từ 7.000 lên 14.000m³/ngày với công nghệ xử lý hiện đại; đầu tư mới NMN Đông Bắc Sông Cầu công suất 1.000m³/ngày cung cấp nước cho KCN Đông Bắc Sông Cầu, NMN Sơn Hòa công suất 2.000m³/ngày. Mở rộng nhiều tuyến ống cấp nước cấp 3 đáp ứng nhu cầu khách hàng và đã cung cấp nước đến 13.500 khách hàng.

Giai đoạn T12/2005 - nay:

Từ ngày 22/12/2005 Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Cấp Thoát nước Phú Yên, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 2878/QĐ-UBND của UBND tỉnh. Tính đến tháng 6/2006 Công ty quản lý và khai thác 07 NMN trong toàn tỉnh với tổng công suất là 25.000 m³/ngày; số khách hàng sử dụng nước là 15.200 khách hàng.

Đầu tư, mở rộng nâng công suất, tuyến ống phân phối của các NMN: Tuy Hòa lên 28.000 m³/ngày; NMN Tuy An lên 3.000 m³/ngày và NMN Đồng Xuân lên 3.000 m³/ngày bằng nguồn vốn vay ưu đãi của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB); NMN Phú Hòa công suất 2.000 m³/ngày bằng nguồn vốn JBIC Nhật Bản.

Quản lý, duy tu sửa chữa hệ thống thoát nước Tp Tuy Hòa với tổng số 76 km đường ống các loại từ D400 đến D1250 mm.

Các thành tựu đạt được trong quá trình hoạt động của Công ty:

- Huân chương lao động hạng II được Chủ tịch nước tặng thưởng cho Tập thể Công ty về thành tích xuất sắc trong công tác từ năm (2006-2010);
- Huân chương lao động hạng III được Chủ tịch nước tặng thưởng cho Tập thể Công ty về thành tích xuất sắc trong công tác từ năm (2001-2005);

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2004.
- Các bằng khen, giấy khen và cờ thi đua của các bộ, ngành và của UBND Tỉnh Phú Yên.

5. Cơ cấu tổ chức và quản lý

Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên, cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty bao gồm Chủ tịch kiêm Giám đốc, Ban Giám đốc; Kiểm soát viên; 05 phòng ban chuyên môn và các đơn vị trực thuộc. Cụ thể như sau:

Giám đốc Công ty: là người chịu trách nhiệm quản lý, điều hành toàn bộ mọi hoạt động Công ty, đồng thời có thể chỉ đạo trực tiếp các Phòng hoặc thông qua Phó Giám đốc phụ trách. Giao trách nhiệm và ủy quyền cho các Phó Giám đốc theo từng lĩnh vực để chỉ đạo các đơn vị trực thuộc;

Phó Giám đốc Công ty: là người giúp việc cho Giám đốc, chịu trách nhiệm chỉ đạo trực tiếp các Phòng nghiệp vụ đã được phân công; thay mặt Giám đốc Công ty chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc về các lĩnh vực chuyên môn mà mình phụ trách và đưa ra quyết định cuối cùng về công tác chuyên môn đó.

Phòng Tổ chức - Hành chính:

- Tham mưu cho Giám đốc về công tác tổ chức bộ máy, điều phối, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng quy hoạch, sử dụng và quản lý đội ngũ CBCNV Công ty.
- Phối hợp các phòng ban chức năng xây dựng, quản lý chế độ trả lương, trả thưởng, các chế độ chính sách đối với người lao động và công tác bảo hộ lao động theo các qui định hiện hành.
- Quản trị hành chính, quản trị nhà đất của văn phòng Công ty, quản lý trang thiết bị văn phòng, phương tiện làm việc của văn phòng Công ty.

Phòng Kế toán tài vụ:

- Quản lý tài sản, vật tư, tiền vốn. Tổ chức công tác kế toán thống kê tài chính theo đúng pháp luật và các quy định của Nhà nước.
- Tổ chức hạch toán, phân tích các hoạt động kinh tế, tài chính trong từng quý và trong niên độ tài chính của Công ty.

Phòng Kinh doanh:

- Quản lý, khai thác, kinh doanh và dịch vụ khách hàng dùng nước máy Tuy Hòa.
- Quản lý và thu hồi công nợ tiền nước, lập và in ấn hoá đơn tiền nước.
- Chủ trì công tác giải quyết khiếu nại và đánh giá sự thoả mãn của khách hàng.

Phòng Kế hoạch – vật tư:

- Xây dựng các kế hoạch SXKD của Công ty trong ngắn hạn, trung hạn, dài hạn; kế hoạch của các Cụm trạm và đơn vị trực thuộc.

- Quản lý hoạt động mua hàng hoá - dịch vụ và đánh giá lựa chọn nhà cung ứng, quản lý kho vật tư hàng hóa.
- Phối hợp tổ chức và quản lý công tác xây dựng cơ bản, các dự án đầu tư, hợp tác quốc tế, liên doanh liên kết...
- Quản lý các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách và nguồn vốn ODA, chuẩn bị thủ tục đầu tư cho các dự án còn lại bằng nguồn vốn đầu tư phát triển theo quy định hiện hành.

Phòng Kỹ thuật

- Quản lý sản xuất nước toàn Công ty, hệ thống thoát nước thành phố Tuy Hòa.
- Theo dõi giám sát quá trình vận hành, bảo trì máy móc thiết bị, hệ thống điện và các trạm bơm kể cả trạm bơm tăng áp.
- Quản lý hồ sơ kỹ thuật các Nhà máy (bao gồm hệ thống điện, thiết bị điện, tự động hoá...) các máy móc thiết bị bơm, xe máy ... dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, đổi mới công nghệ các Nhà máy.

Xí nghiệp Tư vấn cấp thoát nước và môi trường

- Khoan, thăm dò, điều tra khảo sát nguồn nước ngầm phục vụ cho các công trình cấp nước; thiết kế các công trình cấp, thoát nước; theo dõi, giám sát thi công các công trình cấp thoát nước; lập dự án đầu tư các công trình cấp thoát nước.
- Sản xuất cát lọc, sỏi lọc nước.

Cụm trạm Cấp nước Phía Tây (Nhà máy nước thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh và Nhà máy nước thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa);

- Tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Công ty giao.
- Đảm bảo đầy đủ nguồn và các tiêu chuẩn về vệ sinh nước sạch theo các quy trình và quy định của Nhà nước, của Công ty.

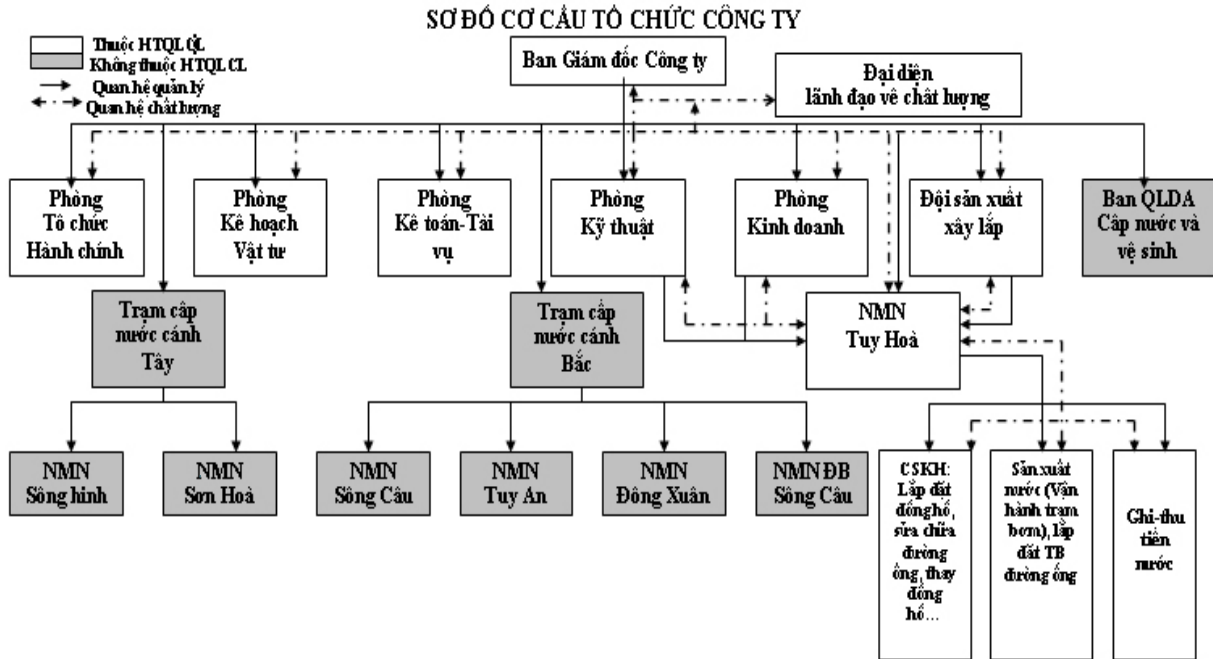
Cụm trạm Cấp nước Phía Bắc (Nhà máy nước TX Sông Cầu; Nhà máy nước thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An; Nhà máy nước thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân và Nhà máy nước Khu vực Đông Bắc Sông Cầu);

- Tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Công ty giao.
- Đảm bảo đầy đủ nguồn và các tiêu chuẩn về vệ sinh nước sạch theo các quy trình và quy định của Nhà nước, của Công ty.

Đội Sản xuất - Xây lắp (Quản lý phân nguồn Nhà máy nước Tuy Hòa; Nhà máy nước thị trấn Phú Hòa, huyện Phú Hòa; Trạm bơm tăng áp An Phú, thuộc Tp Tuy Hòa; Trạm bơm tăng áp KCN Hòa Hiệp, Trạm Cấp nước thị trấn Hòa Vinh và Trạm

Cấp nước Vũng Rô, huyện Đông Hòa);

- Tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Công ty giao.
- Đảm bảo đầy đủ nguồn và các tiêu chuẩn về vệ sinh nước sạch theo các quy trình và quy định của Nhà nước và của Công ty.



6. Danh sách các chi nhánh

Tên chi nhánh: Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên – Xí nghiệp tư vấn cấp thoát nước và môi trường.

Địa chỉ chi nhánh: Số 05 Hải Dương, thôn Ngọc Phước, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam.

Mã số chi nhánh: 4400115690-001

7. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa

7.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

7.1.1. Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm:

Công ty hiện đang quản lý vận hành 09 nhà máy nước có tổng công suất 44.100 m³/ngày (công suất khai thác hiện tại đạt hơn 70%), cung cấp nước sạch cho thành phố Tuy Hòa, thị xã Sông Cầu, 06 thị trấn và 03 Khu Công nghiệp (Hòa Hiệp, An Phú, Đông Bắc Sông Cầu) trên địa bàn toàn tỉnh. Công ty đã xây dựng và phát triển 502 km đường ống các loại, cung cấp nước sạch cho hơn 43.000 khách hàng.

Năm	Sản xuất (m ³)	Tiêu thụ (m ³)
-----	----------------------------	----------------------------

Năm	Sản xuất (m ³)	Tiêu thụ (m ³)
2014	10.803.328	8.917.562
2013	10.154.448	8.414.555
2012	10.043.517	8.170.450
2011	9.969.565	7.689.247

7.1.2. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận trước cổ phần hóa**Cơ cấu doanh thu thuần trước cổ phần hóa***Đơn vị tính: triệu đồng*

Nhóm Hàng hóa/ Dịch vụ	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Sản phẩm nước sạch	48.753	89,67%	54.232	88,76%	62.472	91,91%
Thi công hệ thống cấp nước, lắp đặt đồng hồ đo nước	2.352	4,33%	3.130	5,12%	2.418	3,56%
Cải tạo, duy tu hệ thống thoát nước	1.719	3,16%	1.836	3,00%	1.784	2,62%
Khảo sát thiết kế, tư vấn giám sát các công trình hệ thống cấp nước	1310	2,41%	1.786	2,92%	1.123	1,65%
Bán hàng khác	235	0,43%	117	0,19%	175	0,26%
Tổng cộng	54.369	100%	61.101	100%	67.972	100%

*Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên***Cơ cấu lợi nhuận gộp về bán hàng trước cổ phần hóa***Đơn vị tính: triệu đồng*

Nhóm Hàng hóa/ Dịch vụ	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Sản phẩm nước sạch	20.932	92,98%	21.823	91,31%	35.102	92,49%
Thi công hệ thống cấp nước, lắp đặt	685	3,04%	950	3,98%	970	2,58%

Nhóm Hàng hóa/ Dịch vụ	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
đồng hồ đo nước						
Cải tạo, duy tu hệ thống thoát nước	512	2,28%	573	2,40%	832	2,22%
Khảo sát thiết kế, tư vấn giám sát các công trình hệ thống cấp nước	381	1,13%	485	2,03%	5725	1,52%
Bán hàng khác	127	0,56%	67	0,28%	86	0,23%
Tổng cộng	22.510	100%	23.898	100%	37.563	100%

Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản phẩm thiết yếu đối với người dân, nên hoạt động ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của suy thoái kinh tế trong thời gian qua. Trong 3 năm trước cổ phần hóa, hoạt động kinh doanh của Công ty ổn định và có tăng trưởng. Tuy nhiên, khối lượng nước sinh hoạt chiếm tỷ trọng cao khoảng 70%, khối lượng nước cung cấp cho mục đích kinh doanh, dịch vụ chiếm tỷ trọng thấp nên ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

7.1.3. Nguyên vật liệu:

Các nguyên vật liệu chính chủ yếu sử dụng trong sản xuất sản phẩm: Nước thô khai thác từ các giếng nước ngầm và nước mặt các sông, hóa chất xử lý nước như: PAC, phèn đơn, xút vẩy, chlorine...

Các nhà cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty: Công ty Hóa chất Biên Hòa; Công ty TNHH Phát triển Công nghệ E & C ...

Chi phí nguyên vật liệu thường chiếm một tỷ lệ nhất định trong giá thành sản phẩm. Giá nguyên vật liệu, hóa chất tương đối ổn định, có tăng nhưng nằm trong giới hạn cho phép, Công ty có thể kiểm soát được. Tuy nhiên vật liệu chính là nguồn nước thô phụ thuộc điều kiện thời tiết thiên nhiên nên có những tháng khô hạn hoặc mùa mưa lũ chất lượng nước thô có thay đổi...phải hao tổn nhiều về chi phí điện năng và hóa chất để xử lý.

7.1.4. Chi phí

Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty so với tổng doanh thu qua các năm như sau:

Đơn vị tính: đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
----------------	----------	----------	----------

	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Giá vốn hàng bán	31.858.469.076	56,70	37.203.086.176	59,42	30.408.687.808	45,48
Chi phí tài chính	11.697.593.136	20,82	11.744.513.915	18,76	11.038.475.556	16,51
Chi phí bán hàng	6.999.113.478	12,46	8.020.697.119	12,81	14.605.022.368	21,85
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.630.978.091	10,02	5.562.708.721	8,89	8.405.269.483	12,57
Chi phí khác	2.714.802	0,005	74.524.443	0,12	2.399.909.417	3,59
Tổng chi phí	56.188.868.583	100%	62.605.530.374	100%	66.857.364.632	100%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán của Công ty năm 2012, năm 2013 và năm 2014

Chi phí sản xuất của Công ty tương đối cao, do chi phí khấu hao tài sản cố định lớn; chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá thành.

Chi phí điện sản xuất thường chiếm 13% trong chi phí sản xuất và thường được điều chỉnh hàng quý nhưng giá bán nước lại phải bình ổn trong thời gian từ 1 năm trở lên nên đã ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Phần lớn TSCĐ của Công ty như: giếng, đường ống cấp nước nằm ngầm dưới đất... nên cũng bị tác động bởi thời tiết, bởi việc cải tạo di dời hệ thống đường ống cấp nước khi chính quyền địa phương đầu tư cải tạo mở rộng các tuyến đường....nên cũng làm cho chi phí sản xuất tăng cao.

Biện pháp giảm chi phí sản xuất: Giảm tỷ lệ nước thất thoát, thất thu tiền nước; giảm chi phí tiêu hao điện năng.

Công ty đã đầu tư hệ thống biến tần cho tất cả các nhà máy để điều khiển tự động việc vận hành các máy bơm nước nhằm tiết kiệm chi phí điện năng, trang bị hệ thống điều khiển tự động Scada cho nhà máy nước Tuy Hòa để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất, từng bước tiến tới hiện đại hoá sản xuất.

7.1.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Do đặc thù của hoạt động cấp thoát nước, việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty chủ yếu là mở rộng và cải tạo mạng lưới phân phối, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu cấp nước của thành phố Tuy Hòa và các thị xã, thị trấn trong tỉnh.

7.1.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Công ty luôn chú trọng đầu tư mới, mở rộng, nâng cao năng lực sản xuất và mạng lưới kinh doanh phân phối để cung cấp sản phẩm nước máy đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn qui định hiện hành của Nhà nước, đúng số lượng, cung cấp liên tục đáp ứng các yêu cầu của khách hàng;

Không ngừng tìm tòi, cải tiến và tạo ra các dịch vụ hỗ trợ khách hàng để nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng theo phương châm **“Mong muốn khách hàng luôn là bạn đồng hành cùng Công ty phát triển”**

Xây dựng, thực hiện, duy trì và liên tục cải tiến hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 để làm nền tảng cho việc quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Xây dựng, thực hiện Hệ thống TCVN ISO/IEC 17025:2005 trong quản lý chất lượng sản phẩm nước sạch.

7.1.7. Hoạt động Marketing:

Với đặc thù là doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực cấp thoát nước, là ngành không có tính cạnh tranh nên hoạt động marketing và quảng bá thương hiệu chưa được chú trọng triển khai mạnh và sâu rộng

Trong quá trình thực hiện dự án Cấp nước và vệ sinh do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tài trợ, có một hợp phần tuyên truyền về lợi ích của nước sạch và vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người được triển khai tại 03 đô thị có dự án gồm Tp Tuy Hòa, Thị trấn Chí Thạnh – huyện Tuy An và thị trấn La Hai – huyện Đồng Xuân. Đây là một trong những hoạt động tuyên truyền vận động người dân sử dụng nước máy trong sinh hoạt.

7.1.8. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện Công ty đang sử dụng logo sau để làm thương hiệu cho sản phẩm, dịch vụ của Công ty:



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

Công ty đã đăng ký bản quyền cho nhãn hiệu trên theo giấy chứng nhận số 86229 theo Quyết định số 11187/QĐ-SHTT, ngày 17/8/2007 của Cục Sở hữu trí tuệ-Bộ Khoa học và Công nghệ.

7.1.9. Các hợp đồng lớn đã ký kết:

TT	Nội dung	Giá trị	Đơn vị đối tác	Ghi chú
1	Đầu tư các dự án:	21.900.000	Các nhà thầu thi công	Công ty là

TT	Nội dung	Giá trị	Đơn vị đối tác	Ghi chú
	+ Dự án Cấp nước và vệ sinh tỉnh Phú Yên + Dự án Phát triển các đô thị vừa và nhỏ miền trung tỉnh Phú Yên	USD 15.663.000 USD		chủ đầu tư
2	Di dời tuyến ống cấp nước DN300-DN200 phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thuộc dự án: Đường tránh trú bão Sông Cầu - Đồng Xuân	4.374,0 triệu đồng	Chủ đầu tư : Ban Chuyên trách bồi thường, hỗ trợ và Tái định cư thị xã Sông Cầu (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Sông Cầu)	Công ty là đơn vị thi công.
3	Tư vấn lập hồ sơ TKBVTC và DT CT: xây dựng nhà máy nước Vạn Ninh (giai đoạn 1) tại xã Vạn Phú, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa	400 triệu đồng	Công ty Cổ phần công trình đô thị Vạn Ninh	Công ty là nhà thầu
4	Hàng năm thực hiện công tác Duy tu, cải tạo hệ thống thoát nước TP Tuy Hòa.	2.000	UBND TP Tuy Hòa giao.	Công ty là đơn vị thi công.

7.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm trước khi cổ phần hóa

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty giai đoạn các năm trước khi cổ phần hóa được tóm tắt ở bảng sau:

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Tổng tài sản	399.837.307.740	389.815.728.355	377.351.852.531
2	Vốn Chủ sở hữu ¹	184.218.568.020	184.536.418.283	187.861.938.931
3	Nợ phải trả	205.084.722.231	194.743.350.919	178.730.643.612
3.1	Nợ ngắn hạn	21.412.697.124	22.753.713.801	20.772.836.138
	<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>	-	-	-
3.2	Nợ dài hạn	183.672.025.107	171.989.637.118	157.957.807.474
	<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>	-	-	-

¹ Vốn chủ sở hữu không bao gồm Quỹ khen thưởng phúc lợi, Nguồn kinh phí và quỹ khác.

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
4	Nợ phải thu	5.455.138.877	5.088.567.867	3.829.620.305
5	Tổng số lao động (người)	182	200	205
6	Tổng quỹ lương	10.783.338.954	11.954.218.917	12.697.136.477
7	Thu nhập bình quân 1 người lao động/tháng	5.067.000	5.992.000	5.992.000
8	Tổng doanh thu	57.513.850.409	65.105.530.374	71.080.571.017
9	Tổng chi phí	55.913.850.409	62.605.530.374	66.857.364.632
10	Lợi nhuận trước thuế	1.600.000.000	2.500.000.000	4.223.206.385
11	Lợi nhuận sau thuế	1.314.136.181	1.862.177.874	3.272.792.738
12	Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE) (%)	0,80	1,01	1,76

Nguồn: Công ty

7.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

7.3.1. Thuận lợi:

Công ty luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ, giúp đỡ của Tỉnh ủy, HĐND Tỉnh, UBND tỉnh Phú Yên, các Sở, cơ quan ban ngành trong tỉnh và chính quyền địa phương các cấp.

Ban Lãnh đạo Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, tâm huyết và có trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn, có chứng chỉ hành nghề, bình quân bậc thợ là 4,5 nhiều kinh nghiệm, tinh thần đoàn kết và tự giác cao.

Công ty đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong hoạt động cấp thoát nước như xây dựng hệ thống mạng cấp nước, giảm tỷ lệ thất thoát nước, gia tăng áp lực nước...

Công ty đang sử dụng các phần mềm mới về quản lý, GIS để quản lý mạng lưới cấp-thoát nước. Ứng dụng công nghệ vào công tác quản lý, kinh doanh hiệu quả như: quản lý hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008; đầu tư xây dựng Phòng thí nghiệm chất lượng nước theo tiêu chuẩn ISO 17.025; xây dựng Văn phòng điện tử.

Công ty có các cán bộ quản lý các Dự án lớn như : Dự án Cấp nước và vệ sinh cho NMN Tuy Hòa, NMN Chí Thạnh và NMN La Hai, tỉnh Phú Yên (ADB3) với tổng mức

đầu tư là 21,9 triệu USD; Dự án Phát triển đô thị vừa và nhỏ miền Trung, tỉnh Phú Yên (ADB4) với tổng mức đầu tư là 15,7 triệu USD.

Đặc thù của sản phẩm nước sạch là không có đối thủ cạnh tranh trên địa bàn Công ty cung cấp nước nên hoạt động cung cấp nước mang tính ổn định cao.

Công ty đã đầu tư hệ thống biến tần cho tất cả các nhà máy; hệ thống điều khiển tự động Scada cho nhà máy nước Tuy Hòa.

Tham gia các dự án: “Đào tạo nâng cao năng lực cho các Công ty cấp thoát nước khu vực miền Trung - Việt Nam”

7.3.2. Khó khăn:

Giá bán nước sạch do UBND tỉnh Phú Yên quyết định trong khi giá đầu vào của các nguyên vật liệu, điện, hóa chất... theo cơ chế giá thị trường nên ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty.

Miền trung là khu vực chịu nhiều ảnh hưởng của thời tiết không thuận lợi như: lũ lụt, bão, hạn hán.

Địa bàn hoạt động rộng, phân tán, phức tạp trải rộng đến hầu hết các khu vực miền xuôi, miền núi, đô thị, nông thôn và các KCN trong Tỉnh;

Chi phí đầu vào tăng như: điện, các loại hoá chất dùng trong xử lý, tiền lương, thuê tài nguyên,....

7.4. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.4.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty hiện đang quản lý mạng lưới cấp thoát nước trên địa bàn TP. Tuy Hòa và các NMN tại thị xã, các thị trấn và các KCN trong tỉnh. Tại địa bàn hoạt động này, Công ty không có đối thủ cạnh tranh trực tiếp. So với các đơn vị trong ngành nói chung, Công ty là một trong những Công ty cấp thoát nước có uy tín của khu vực miền Trung.

7.4.2. Triển vọng của ngành

Nước sạch là mặt hàng thiết yếu của sinh hoạt và sản xuất, khi kinh tế càng phát triển thì nhu cầu sử dụng nước sạch cũng ngày càng tăng. Đối với Phú Yên, triển vọng phát triển cấp nước trong thời gian tới tập trung vào các khu vực sau:

Ngày 9-9-2014, Công ty TNHH Dầu khí Vũng Rô tổ chức lễ động thổ dự án Nhà máy lọc, hóa dầu Vũng Rô.

- Giai đoạn 01: Đầu tư xây dựng nhà máy nước có công suất 50.000 m³/ngày đêm để phục vụ cấp nước cho Khu lọc dầu Vũng Rô, một phần cho Khu kinh tế Nam Phú Yên và cho nhu cầu dân sinh gần khu vực dự án.

- Giai đoạn 02: Sau năm 2020 sẽ nghiên cứu xây dựng thêm một nhà máy nước có công suất 50.000m³/ngày đêm (nâng tổng công suất nhà máy lên 100.000m³/ngày đêm).
- Giai đoạn 03: Định hướng đến năm 2030 sẽ tiếp tục xây dựng mở rộng công suất nhà máy nước đảm bảo theo quy hoạch là 300.000 m³/ngày đêm (cho cả 03 giai đoạn).

7.4.3. Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty

Để thực hiện mục tiêu mở rộng thị phần, PYWASUDCO đang tập trung đầu tư cải tạo nâng cấp các NMN có sẵn, cũng như đầu tư xây dựng mới các NMN để phục vụ cho Dự án Nhà máy lọc hóa dầu Vũng Rô, các thị xã mới (Đông Hòa, Sơn Hòa), các thị trấn mới trong tỉnh (thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa; thị trấn Vân Hòa, huyện Vân Hòa). Như vậy, định hướng của Công ty hoàn toàn phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

8. Các rủi ro dự kiến

8.1. Rủi ro về kinh tế

Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung.

Những năm vừa qua, khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy thoái kinh tế đã tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế thế giới và Việt Nam nói chung và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Với các tín hiệu tích cực của kinh tế vĩ mô, rủi ro kinh tế sẽ giảm bớt và hoạt động của doanh nghiệp sẽ khả quan hơn trong thời gian tới.

Hoạt động chủ yếu của PYWASUDCO là cấp nước, trong đó nước sạch là sản phẩm thuộc dạng thiết yếu của người dân. Do đó, nhìn chung, hoạt động kinh doanh của Công ty ít bị ảnh hưởng nhiều từ rủi ro kinh tế.

8.2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại,... Bên cạnh đó, các chính sách về kinh tế đối với các khu kinh tế cửa khẩu thường xuyên thay đổi có khả năng làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt là các chính sách miễn thuế thường xuyên thay đổi.

Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc

tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

8.3. *Rủi ro đặc thù*

Rủi ro thất thoát nước: Tỷ lệ thất thoát của hệ thống cấp nước ước tính hiện tại là 22,5%

Hiện nay, Công ty đang ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến trong công tác quản lý hệ thống cấp nước nhằm giảm thiểu nước thất thoát như: Hệ thống thông tin địa lý GIS; phần mềm quản lý khách hàng;

8.4. *Rủi ro của đợt chào bán*

Đợt chào bán cổ phần lần đầu được coi là không thành công trong trường hợp số lượng cổ phần thực tế bán được thấp hơn số lượng cổ phần dự kiến chào bán trong thời hạn quy định.

Với thực trạng hiện nay, thị trường chứng khoán Việt Nam có dấu hiệu khởi sắc nhưng chưa hồi phục hoàn toàn. Dòng tiền vào thị trường còn hạn chế. Nguồn cung cổ phiếu với giá rẻ trên thị trường có khá nhiều, nhà đầu tư cũng ít quan tâm hơn đến hoạt động IPO phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

Do đó, việc bán đấu giá cổ phần lần đầu của Công ty sẽ gặp một số ảnh hưởng không nhỏ từ tình hình chung của thị trường chứng khoán Việt Nam.

8.5. *Rủi ro khác*

Ngoài ra, hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi một số rủi ro bất khả kháng như: rủi ro thiên tai, hỏa hoạn, nguồn nước ô nhiễm, chiến tranh, ...

II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. *Thực trạng về tài sản cố định*

Tình hình tài sản cố định của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 0 giờ ngày 01/07/2014 thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I. Tài sản đang dùng	390.100.258.610	83.601.556.207	307.305.266.210
1. Tài sản cố định hữu hình	389.787.744.917	83.555.726.139	306.232.018.778
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	84.212.923.460	19.253.080.190	64.959.843.270
▪ Máy móc thiết bị	56.132.164.984	20.333.102.199	35.799.062.785
▪ Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	249.244.999.808	43.773.538.936	205.471.460.872
▪ Thiết bị quản lý	161.197.574	161.197.574	-

Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
▪ Tài sản cố định khác	36.459.091	34.807.240	1.651.851
2. Tài sản cố định vô hình	312.513.693	45.830.068	266.683.625
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	806.563.807
II. Tài sản phục vụ công ích không cổ phần hóa	12.542.984.916	1.447.873.113	11.095.111.803
1. Tài sản cố định hữu hình	12.542.984.916	1.447.873.113	11.095.111.803
▪ Máy móc thiết bị	1.454.545.454	61.818.182	1.392.727.272
▪ Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	11.088.439.462	1.386.054.931	9.702.384.531
Tổng	402.643.243.526	85.049.429.320	318.400.378.013

Nguồn: BCTC 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty chưa kiểm toán

2. Tổng diện tích đất đai doanh nghiệp đang quản lý và sử dụng

Căn cứ theo quyết định số 2192/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Phú Yên về việc Phê duyệt kết quả rà soát tình hình sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên để thực hiện cổ phần hóa, phương án sử dụng đất chuyển giao cho Công ty cổ phần chi tiết như sau:

TT	Địa điểm	Diện tích Đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm (m ²)	Diện tích đất xin trả NN quản lý (m ²)	Ghi chú
I	Các khu đất thuộc NMN Tuy Hòa	69.593,53	1.169,00	
1	Trụ sở Công ty, 05 Hải Dương	1.894,50		
2	Bể chứa + Trạm bơm, 07 Hải Dương	1.510		
3	Khu xử lý, 07 Hải Dương	17.345		
4	Khu vật tư dự phòng, 05 Hải Dương	4.832,5		
5	Nhà đặt máy phát điện dự phòng, xã Hòa Thắng	216		
6	Trạm bơm Hòa An, xã Hòa An	7.413		
7	Giếng G6-G11, xã Hòa An	164,13		
8	Trạm bơm Hòa Thắng	5.032	1.169	
9	Khu bãi giếng Hòa Thắng	30.000		

TT	Địa điểm	Diện tích Đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm (m ²)	Diện tích đất xin trả NN quản lý (m ²)	Ghi chú
10	Trụ sở làm việc 229 Lê Lợi	186,40		
11	Bể chứa Núi Nhạn	1.000		
II	NMN Phú Hòa			
1	Nhà quản lý hành chính Dự án NMN Huyện Phú Hòa	920		
2	Khu xử lý NMN Phú Hòa	4.757		
3	Nhà điều hành trạm bơm và nhà đặt máy phát điện Phú Hòa	1.200		
4	Khu bãi giếng NMN Phú Hòa	35.000		
III	NMN Sơn Hòa			
1	NMN TT Củng Sơn, huyện Sơn Hòa	1.529,2		
2	Khu bãi giếng NMN Sơn Hòa	2.298	1.615	
3	Khu xử lý NMN Sơn Hòa	1.818		
4	Giếng 2	123		
5	Trạm bơm tăng áp Dốc Vồng, thị trấn Củng Sơn	450		
IV	NMN Hai Riêng			
1	Khu xử lý nước + bãi giếng	10.000		
2	Nhà làm việc, nhà kho, đài chứa nước 50m ³	1.372,4		
V	NMN La Hai			
1	Trụ sở làm việc NMN Đồng Xuân	1.031		
2	Khu bãi giếng NMN Đồng Xuân	9.496		
3	Bể chứa nước 500 m ³ tại thị trấn La Hai (Khu xử lý)	2.024		
4	Khu xử lý nước NMN Đồng Xuân	2.016		

TT	Địa điểm	Diện tích Đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm (m ²)	Diện tích đất xin trả NN quản lý (m ²)	Ghi chú
5	Đường nội bộ và kè chắn	1.290,8		
VI	NMN Chí Thạnh			
1	Trụ sở điều hành NMN Tuy An	498,5		
2	Khu xử lý NMN Tuy An (Thuộc dự án cấp nước và vệ sinh thị trấn Chí Thạnh)	12.357,2	2.541,8	
VII	NMN Sông Cầu			
1	Trụ sở làm việc NMN Sông Cầu	993,5		
2	Nhà kho	381,2		
3	Bể chứa NMN Sông Cầu	592		
4	Khu bãi giếng	900		
5	Khu xử lý nước và TBA	805,6		
6	khu xử lý nước thuộc dự án nâng cấp NMN Sông Cầu	234,6		
7	Nhà điều hành trạm bơm tăng áp NMN Sông Cầu	240		
8	Khu xử lý nước- nhà điều hành- Trạm bơm NMN ĐBSC	3.758		
9	03 bãi giếng NMN ĐBSC	192		
VIII	NMN Hòa Vinh	10.000		
IX	Trạm cấp nước Vũng Rô	1.169,3		
	Tổng số	177.040,83	5.326,00	

3. Thực trạng về tài chính, công nợ

Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm 0 giờ ngày 01/07/2014 như sau:

❖ **Vốn chủ sở hữu:** **185.969.338.358 đồng**

Trong đó:

▪ **Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** **180.813.308.211 đồng**

- Vốn khác của chủ sở hữu: 1.600.197.668 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển: 2.122.912.404 đồng
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 1.432.920.075 đồng

❖ **Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.446.386.036đồng**

(Số dư Quỹ khen thưởng, phúc lợi sẽ được phân chia cho người lao động theo đúng quy định)

❖ **Các khoản phải thu: 6.601.300.633đồng**

- Phải thu ngắn hạn: 6.601.300.633đồng
- Phải thu dài hạn: 0 đồng

(Tỷ lệ đối chiếu công nợ đạt 99,27% trên tổng số dư nợ)

❖ **Nợ phải trả: 188.200.811.520đồng**

- Nợ ngắn hạn: 10.594.402.852đồng
- Nợ dài hạn: 177.606.408.668đồng

(Tỷ lệ đối chiếu công nợ đạt 99,90% trên tổng số dư nợ).

4. Thực trạng về lao động

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 27/03/2015, tổng số CBCNV của Công ty là 213 người với cơ cấu như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ lao động	213	100
▪ Trình độ đại học và trên đại học	46	21,23
▪ Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	160	75,47
▪ Trình độ khác	7	3,30
Theo loại hợp đồng lao động	213	100
▪ Đối tượng không thuộc diện ký hợp đồng lao động	5	2,36
▪ Hợp đồng không thời hạn	151	70,75
▪ Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	49	23,11
▪ Hợp đồng có thời hạn <12 tháng	7	3,31
▪ Tuyển dụng theo chế độ biên chế nhà nước nhưng chưa chuyển sang ký HĐLĐ	1	0,47
Theo giới tính	213	100

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
▪ Nam	169	79,72
▪ Nữ	44	20,28

Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên

Số lao động bình quân (người) các năm giai đoạn trước cổ phần hóa như sau:

Lao động	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Số lao động bình quân năm	182	177	188

Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên

5. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý kèm theo Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 27/3/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên về việc Phê duyệt Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo phương pháp tài sản của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên

- Công ty đã thực hiện quyết toán thuế đến thời điểm 30/6/2014 và tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (0h ngày 01/7/2014) Công ty chưa thực hiện phân phối lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2014. Do đó, Công ty tiếp tục phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ 6 tháng đầu năm 2014 theo quy định (tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 59/2011/NĐ-CP và điểm b, Khoản 4, Điều 9, Thông tư số 127/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính) trước khi chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.
- Đối với số dư Quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty phối hợp với tổ chức công đoàn lập phương án phân chia cho người lao động theo đúng quy định tại khoản 7, Điều 9, Thông tư 127/2014/TT-BTC.
- Đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa thực hiện đối chiếu, xác nhận xong, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện đối chiếu, xác nhận đầy đủ theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 bổ sung thêm khoản 4 Điều 28 Nghị định 59/2011/NĐ-CP và điểm c, điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính.
- Đối với khoản công nợ khó đòi đã được xử lý bằng nguồn dự phòng trong vòng 5 năm liền kề trước khi Công ty thực hiện cổ phần hóa với tổng số tiền là 222.445.426 đồng (Năm 2010: 26.444.400 đồng, Năm 2011: 61.078.638 đồng, Năm 2012: 59.381.288 đồng và 6 tháng đầu năm 2014: 75.541.100 đồng); Theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định 59/2011/NĐ-CP thì doanh nghiệp có trách nhiệm bàn giao cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam để xử lý theo quy định của pháp luật.
- Đối với Giá trị quyền sử dụng đất: Công ty có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính liên quan để hoàn thành thủ tục thuê đất theo quy định hiện hành.

- Đối với khoản chi phí nộp tiền sử dụng đất Công ty đã nộp theo Thông báo nộp tiền thuê đất năm 2014 (Kỳ 2) là 1.829.047.688 đồng. Đây là khoản tiền thuê đất từ tháng 1/2006 đến tháng 2/2012 Công ty bị truy thu cho thời gian sử dụng đất trước đây. Hiện Công ty đã có văn bản số 16/BCCTN ngày 19/2/2014 về việc báo cáo tình hình thực hiện nộp tiền thuê đất của các nhà máy nước của Công ty trên địa bàn tỉnh để xin được miễn không truy tiền thuê đất. Theo thông báo số 823/TB – UBND ngày 09/12/2014 về kết luận của Phó Chủ tịch UBND Tỉnh – Nguyễn Ngọc Ân về giải quyết kiến nghị về tiền thuê đất của Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên, UBND Tỉnh đã giao cho các Sở Tài nguyên và Môi trường, chủ trì, phối hợp Cục Thuế nghiên cứu các quy định hiện hành, tham mưu, trình UBND Tỉnh để xác định thời hạn cho thuê đất đối với các công trình, hạng mục của Công ty cho phù hợp.

Trong trường hợp nếu Công ty được miễn giảm tiền thuê đất mà Công ty đã nộp thì Công ty có trách nhiệm thực hiện hạch toán theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Đối với hệ thống thoát nước mưa (Dự án ADB3) và 01 xe ô tô tải hút bùn, 01 ô tô cầu (Dự án ADB4) không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với giá trị là 11.095.111.803 đồng (theo Thông báo số 179/TB-UBND ngày 20/3/2015 của UBND tỉnh Phú Yên), Ban Chỉ đạo đề nghị UBND Tỉnh giao cho Công ty tiếp tục quản lý sử dụng cho đến khi UBND Tỉnh có quyết định bàn giao cho đơn vị mới.
- Công ty là Chủ đầu tư Dự án Phát triển đô thị vừa và nhỏ Miền Trung (Dự án ADB4), dự án có tổng giá trị đầu tư khoảng 328 tỷ đồng. Dự án này được giao cho Ban quản lý Dự án Phát triển đô thị vừa và nhỏ Miền Trung thực hiện theo dõi và ghi nhận độc lập với hệ thống Báo cáo tài chính của Công ty. Công ty tiếp tục quản lý cho đến khi dự án hoàn thành, trình UBND Tỉnh có quyết định bàn giao cho đơn vị quản lý khai thác phù hợp.

III.KẾT LUẬN

Là một doanh nghiệp Nhà nước do UBND Tỉnh Phú Yên quản lý, Công ty Cấp thoát nước Phú Yên đã phát huy được các tiềm năng, thế mạnh sẵn có và ngày càng khẳng định vị thế của mình.

Căn cứ vào tình hình tổng quan cũng như thực trạng của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, có thể khẳng định Công ty Cấp thoát nước Phú Yên hoàn toàn có đủ điều kiện để thực hiện cổ phần hóa. Với sự chuyển đổi mô hình doanh nghiệp lần này cũng như sự đổi mới về phương thức quản lý, hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa sẽ hứa hẹn những bước phát triển mới, hiệu quả và ổn định.

PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông báo số 175/TB-UBND ngày 28/3/2012 của UBND tỉnh Phú Yên Về việc triển khai Phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc UBND tỉnh Phú Yên;
- Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 07/5/2014 của UBND tỉnh Phú Yên Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên giai đoạn 2014-2015;
- Quyết định số 811/QĐ-UBND ngày 28/5/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc Thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên;

- Quyết định số 01/QĐ-BCĐCPH CTYCTN ngày 29/5/2014 của Trưởng Ban Chỉ đạo cổ phần hóa về việc Thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên;
- Quyết định số 542/QĐ – UBND ngày 27/3/2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo phương pháp tài sản của Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên tại thời điểm ngày 01/7/2014;
- Quyết định số 541/QĐ – UBND ngày 27/3/2015 của UBND Tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần tại Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên khi thực hiện cổ phần hóa;
- Công văn số 24/CV-AQUA ONE ngày 13/04/2015 của Công ty Cổ phần Nước Aqua One về việc tham gia mua cổ phần tại Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên.

2. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được ghi trong Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty bao gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn nhà nước thành hình thức đa sở hữu, tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, tăng cường năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty hiện nay và trong tương lai;
- Huy động vốn nhân rộng của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân và các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước để đầu tư phát triển doanh nghiệp;
- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự; gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước;
- Việc chuyển đổi từ hình thức Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần, buộc người lao động hiểu rõ hơn trách nhiệm của mình đối với Công ty, lợi nhuận làm ra không phải là của Nhà nước, mà gắn chặt trên mỗi cổ đông, mỗi cán bộ công nhân viên. Vì vậy người lao động sẽ tích cực và năng nổ hơn trong sản xuất, bộ máy quản lý sẽ được thiết lập lại một cách chẵn chu và cơ cấu gọn nhẹ hơn, giúp tiết kiệm tối đa chi phí và nâng cao lợi nhuận cho Công ty.

3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa

- Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, tận tình của UBND Tỉnh Phú Yên và các cơ quan ban ngành.

- Giúp Công ty xúc tiến nhanh hơn việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá.
- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần.
- Ban Giám đốc Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho cán bộ công nhân viên cũng được thực hiện chu đáo.
- Toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá Công ty, sẵn sàng tham gia góp vốn cổ phần, tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty sau giai đoạn cổ phần hóa.

4. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 27/3/2015 của UBND Tỉnh Phú Yên về việc Phê duyệt Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo phương pháp tài sản của Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 0 giờ ngày 01/07/2014 là **424.244.368.195 đồng** (Bốn trăm hai mươi bốn tỷ, hai trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn, một trăm chín mươi lăm đồng).

Trong đó, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là: **236.043.556.675 đồng** (Hai trăm ba mươi sáu tỷ, không trăm bốn mươi ba triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng).

- Giá trị tài sản không đưa vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (tính theo giá trị ghi trên sổ sách kế toán) là: 11.095.111.803 đồng

Trong đó:

- Tài sản không cần dùng: **0 đồng**
- Tài sản chờ thanh lý: **0 đồng**
- Tài sản phục vụ công ích: **11.095.111.803 đồng**

Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty tại thời điểm 0h ngày 01/7/2014 được trình bày chi tiết ở bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU SỔ SÁCH KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	374.170.149.878	424.244.368.195	50.074.218.318

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU SỔ SÁCH KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	314.432.034.508	363.706.874.830	49.274.840.323
1. Tài sản cố định	306.498.702.403	55.311.913.413	48.813.211.010
<i>a. TSCĐ hữu hình</i>	<i>306.232.018.778</i>	<i>355.045.229.788</i>	<i>48.813.211.010</i>
<i>b. TSCĐ vô hình</i>	<i>266.683.625</i>	<i>266.683.625</i>	-
2. Bất động sản đầu tư	-	-	-
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	806.563.807	806.563.807	-
5. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	-
6. Chi phí trả trước dài hạn	-	-	-
7. Tài sản dài hạn khác	7.126.768.298	7.588.397.611	461.629.313
8. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	59.738.115.370	60.066.840.694	28.725.324
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3.515.042.911	3.515.043.162	251
<i>a. Tiền mặt tồn quỹ</i>	<i>54.452.349</i>	<i>54.452.600</i>	<i>251</i>
<i>b. Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>3.460.590.562</i>	<i>3.460.590.562</i>	-
<i>c. Các khoản tương đương tiền</i>	-	-	-
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.338.211.111	45.338.211.111	-
3. Các khoản phải thu	6.601.300.633	6.601.300.633	-
4. Vật tư hàng hóa tồn kho	4.011.169.949	4.339.895.022	328.725.073
5. Tài sản lưu động khác	272.390.766	272.390.766	-
6. Chi phí sự nghiệp	-	-	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	470.652.671	470.652.671
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	-	-	-
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	-	-	-
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	-	-	-

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU SỔ SÁCH KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4
C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ PHÚC LỢI, KHEN THƯỞNG	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)	374.170.149.878	424.244.368.195	50.074.218.318
Trong đó:			-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP	374.170.149.878	424.244.368.195	50.074.218.318
E1. Nợ thực tế phải trả	188.200.811.520	188.200.811.520	-
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	-	-	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A – (E1+E2)]	185.969.338.358	236.043.556.675	50.074.218.318

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty tại thời điểm 0h ngày 01/7/2014

Tóm tắt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp:

- Tổng giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 0h ngày 01/7/2014 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên:
 - Giá trị sổ sách : 374.170.149.878đồng
 - Giá trị đánh giá lại : 424.244.368.195đồng
 - Chênh lệch : 50.074.218.318đồng
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty tại thời điểm 0h ngày 01/7/2014 để cổ phần hóa:
 - Giá trị sổ sách : 185.969.338.358 đồng
 - Giá trị đánh giá lại : 236.043.556.675 đồng
 - Chênh lệch : 50.074.218.318 đồng.

Tài sản phục vụ công ích không tính vào giá trị doanh nghiệp, gồm:

STT	Tên tài sản	Năm SD	Giá trị sổ sách	Giá trị xác định lại	Chênh lệch
A	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH				
<i>I</i>	<i>Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn</i>		9.702.384.531	9.702.384.531	-
1	Cống thoát nước	06/2012	9.702.384.531	9.702.384.531	-
<i>II</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>		1.392.727.272	1.392.727.272	-
1	Xe O tô tải hiệu Mitsubishi loại Canter FE85PG6SLDD1	08/2013	556.363.636	556.363.636	-
2	Xe O tô hút chất thải HINO (118Kw/2.500v/p)	06/2014	836.363.636	836.363.636	-
B	TÀI SẢN LƯU ĐỘNG				
Tổng cộng			11.095.111.803	11.095.111.803	-

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**1. Hình thức cổ phần hóa**

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, doanh nghiệp chọn hình thức cổ phần hóa theo khoản 2 Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần là **“Bán bớt một phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp”**.

2. Tên Công ty cổ phần:

- Tên tiếng việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**
- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN.**
- Tên tiếng anh: **PHU YEN WATER SUPPLY AND SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY**
- Trụ sở chính: **05 Hải Dương, Bình Ngọc, Tuy Hòa, Phú Yên**
- Điện thoại: **057 3827030– 057 3823557** Fax: **057 3828388**
- Email: **capthoatnuocpy@vnn.vn**
- Website: **capthoatnuocpy.com.vn**

3. Ngành nghề kinh doanh dự kiến:

- ❖ Khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch;
- ❖ Quy hoạch, lập dự án đầu tư, khảo sát, thiết kế, thẩm tra tư vấn đấu thầu và giám sát thi công các dự án, các công trình cấp thoát nước;

- ❖ Tư vấn đấu thầu xây lắp, cung ứng vật tư, thiết bị công trình cấp thoát nước, mua bán, gia công chế tạo thiết bị, phụ tùng các sản phẩm cơ khí chuyên ngành cấp thoát nước;
- ❖ Kinh doanh vật tư, thiết bị máy móc chuyên ngành cấp thoát nước;
- ❖ Xây dựng, lắp đặt thiết bị, công nghệ, mạng lưới đường ống các công trình cấp thoát nước;
- ❖ Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa hệ thống cấp thoát nước trong nhà (sau đồng hồ đo nước);
- ❖ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi và giao thông;
- ❖ Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- ❖ Dịch vụ phân tích mẫu nước (LAB)
- ❖ Dịch vụ môi trường (dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải);
- ❖ Cho thuê mặt bằng;
- ❖ Liên doanh, liên kết, góp vốn.
- ❖ Kinh doanh bất động sản, Khách sạn và du lịch...

4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần như sau:

- Vốn điều lệ Công ty : **236.000.000.000 đồng**
- Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng
- Số lượng cổ phần : 23.600.000 cổ phần

Vốn Nhà nước trên 50% vốn điều lệ (Theo Thông báo số 800-TB/VPTU ngày 24/11/2014 của văn phòng Tỉnh ủy Phú Yên Về kết luận của thường trực tỉnh Ủy và văn bản số 5119/UBND – KT của UBND Tỉnh). Do vậy, vốn nhà nước nắm giữ tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên là **51%**.

Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty cổ phần dự kiến như sau:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ
1	Nhà nước	12.036.000	120.360.000.000	51,00%
2	CBCNV mua ưu đãi	620.100	6.201.000.000	2,63%
2.1	<i>Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước</i>	216.800	2.168.000.000	0,92%
2.2	<i>Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần</i>	403.300	4.033.000.000	1,71%

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ
3	Công đoàn Công ty	-	-	
4	Nhà đầu tư chiến lược	8.260.000	82.600.000.000	35,00%
5	Nhà đầu tư bên ngoài mua cổ phần thông qua đấu giá	2.683.900	26.839.000.000	11,37%
Tổng cộng		23.600.000	236.000.000.000	100%

Số cổ phần không bán hết (nếu có) sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP. Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ. Ban Chi đạo cổ phần hóa Công ty và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ để thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên sau khi Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên đã chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã được Tỉnh Phú Yên phê duyệt điều chỉnh.

5. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá

5.1 Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: Cán bộ công nhân viên Công ty, nhà đầu tư chiến lược mua theo hình thức thỏa thuận và các nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá (theo Điều 6 và Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP). Trong đó, sẽ tổ chức bán cổ phần phần cho nhà đầu tư chiến lược ngay sau khi UBND Tỉnh Phú Yên phê duyệt phương án cổ phần hóa và trước khi tổ chức đấu giá bán cổ phần ra bên ngoài.

5.2 Cổ phần bán cho CBCNV

5.2.1 Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)”. Theo Biên bản họp ngày 16/5/2015 “V/v Thẩm định phương án lao động, thời gian công tác để mua cổ phần ưu đãi và phương án giải quyết chế độ lao động dôi dư theo Nghị định số 91/2012/NĐ-CP; Nghị

định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 38/2011/TT-BLĐ-TBXH; Thông tư số 33/2012/TT- BLĐ-TBXH” của Ban Chi đạo Cổ phần hóa:

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty ngày **27/3/2015** (thời điểm UBND tỉnh Phú Yên công bố giá trị doanh nghiệp Công ty để cổ phần hóa) là: **213** người;
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: **187** người;
- Tổng số năm công tác toàn bộ số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: **2.168** năm.
- Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định của hình thức này là **216.800** cổ phần với tổng mệnh giá là **2.168.000.000** đồng, chiếm **0,92%** vốn điều lệ Công ty cổ phần.
- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện ngay sau khi UBND Tỉnh Phú Yên phê duyệt kết quả bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược.
- Giá bán: Bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho nhà đầu tư chiến lược.

5.2.2 Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần

Theo quy định tại Khoản 2c Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”.

Theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011: “*Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần ưu đãi theo quy định sau:*

a) Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của

mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Đại hội công nhân viên chức của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa.”

Công ty có **161** CBCNV đăng ký mua theo quy định của hình thức này với tổng số cổ phần là **403.300 cổ phần**, tương ứng tổng mệnh giá là **4.033.000.000 đồng** chiếm **1,70%** vốn điều lệ Công ty cổ phần.

Tiêu chí xác định người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao bao gồm:

 Về năng lực chuyên môn:

- Chức vụ nắm giữ tại Công ty: Các thành viên viên chức quản lý, Trưởng phòng, Phó phòng, ban, đội, các đơn vị trực thuộc;
- Là đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ trung cấp trở lên;
- Là công nhân có bậc thợ hiện đang giữ từ bậc 4 trở lên.

 Về sức khỏe:

- Có sức khỏe tốt để làm việc tại Công ty ít nhất 3 năm trở lên.

 Về tuổi đời:

- Đối với nam tính đến ngày 15 tháng 9 năm 2013 không quá 55 tuổi;
- Đối với nữ tính đến ngày 15 tháng 9 năm 2013 không quá 50 tuổi.

Các tiêu chí này đã được thảo luận và thống nhất tại hội nghị người lao động tổ chức ngày 22/3/2015.

Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện ngay sau khi UBND Tỉnh Phú Yên phê duyệt kết quả bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược.

Giá bán: Bằng giá bán thành công thấp nhất cho nhà đầu tư chiến lược.

Danh sách đăng ký mua cổ phần với giá ưu đãi theo cam kết thời gian làm việc tại Công ty cổ phần theo Phụ lục đính kèm.

5.3 Cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức Công đoàn

Theo quy định tại Điểm c Mục 2 Điều 36, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ thì “*Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa (theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Công đoàn; không huy động, vay vốn) để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ. Số cổ phần ưu đãi này do tổ chức công đoàn nắm giữ nhưng không được chuyển nhượng. Trường hợp tổ chức công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp cổ phần hóa được Đại hội cán bộ, công nhân viên chức tại doanh nghiệp cổ phần hóa ủy quyền sử dụng nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi để mua và thay mặt cán bộ công nhân viên chức quản lý cổ*

phần này thì số cổ phần này được giảm trừ vào số lượng cổ phần ưu đãi người lao động được mua theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định này và tổ chức công đoàn được quyền chuyển nhượng hoặc mua lại số cổ phần được mua từ quỹ khen thưởng, phúc lợi khi có yêu cầu của người lao động. Giá bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa là giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định này”.

Tổ chức Công đoàn Công ty đã có văn bản số 16A ngày 18/4/2015 về việc không đăng ký tham gia mua cổ phần của Công ty.

5.4 Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược

Theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì “*Nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có năng lực tài chính và có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về: chuyển giao công nghệ mới; đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm*”.

Theo Quyết định số 541/QĐ – UBND ngày 27/03/2015 của UBND Tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần tại Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên khi thực hiện cổ phần hóa, tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược tham gia mua cổ phần tại Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên như sau:

❖ Năng lực tài chính:

- Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp ít nhất 80 tỷ đồng (Tám mươi tỷ đồng);
- Phải có Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất phải được kiểm toán; Kết quả sản xuất kinh doanh hằng năm phải có lãi.

❖ Có văn bản cam kết với UBND tỉnh Phú Yên có các nội dung:

- Cung cấp tốt dịch vụ cung cấp nước sạch cho nhân dân trên địa bàn Tỉnh; Thực hiện thu giá cung cấp nước sạch đúng theo giá của UBND Tỉnh quyết định hằng năm cho từng đối tượng dùng nước (sinh hoạt, dịch vụ, kinh doanh);
- Đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp phải có cam kết bằng văn bản trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên và hỗ trợ Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên sau cổ phần hóa về:
 - Chuyển giao công nghệ mới: Có khả năng tiếp cận và chuyển giao công nghệ mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty;
 - Đào tạo nguồn nhân lực;
 - Nâng cao năng lực tài chính;

- Quản trị doanh nghiệp;
 - Cung ứng nguyên vật liệu;
 - Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm: Có khả năng mở rộng, đa dạng hóa ngành nghề phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty
- Thực hiện đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về Nhà đầu tư chiến lược tham gia mua cổ phần.
 - Trường hợp nhà đầu tư chiến lược không thực hiện đúng cam kết, vi phạm hạn chế chuyển nhượng theo quy định thì phải bồi thường mọi tổn thất xảy ra theo đúng hợp đồng cam kết và quy định của pháp luật hiện hành.

Trên cơ sở xét duyệt các tiêu chí trên và căn cứ theo công văn số 24/CV – AQUA ONE ngày 13/04/2015 của Công ty cổ phần AQUA ONE về việc tham gia mua cổ phần tại Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên, kính đề nghị Ban chỉ đạo xem xét và trình UBND Tỉnh thông qua việc chọn nhà đầu tư chiến lược tham gia mua cổ phần lần đầu của Công ty, chi tiết như sau:

1. Công ty Cổ phần Nước Aqua One:

- Giấy CNĐKDN số: 0313062501 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/12/2014 và thay đổi lần thứ 02 ngày 03/02/2015.
- Người đại diện theo pháp luật: **Ông Võ Song Bình**, Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 6, Khu B, Phòng 606, Tòa nhà Indochina, số 04 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (+848) 22200911 Fax: (+848) 22200913
- Vốn điều lệ: 450.000.000.000 đồng
- Số cổ phần đăng ký mua: **8.260.000** (Tám triệu hai trăm sáu mươi nghìn cổ phần)
- Năng lực của nhà đầu tư: Công ty cổ phần Nước Aqua One là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực khai thác, xử lý và cung cấp nước; đầu tư lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy sử dụng cho sản xuất công nghiệp, khai khoáng xây dựng...

Ngoài ra, Công ty cổ phần Nước Aqua One đã có văn bản số 24/CV-AQUA ONE và Bản cam kết số 05/CK-AQUA ONE ngày 13/04/2015 gửi UBND Tỉnh Phú Yên cam kết :

- ✓ Cung cấp tốt dịch vụ cung cấp nước sạch cho nhân dân trên địa bàn Tỉnh; Thực hiện thu giá cung cấp nước sạch đúng theo giá của UBND Tỉnh quyết định hằng năm cho từng đối tượng dùng nước (sinh hoạt, dịch vụ, kinh doanh);

- ✓ Cam kết gắn bó lợi ích lâu dài với Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên và hỗ trợ Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên sau cổ phần hóa về:
 - Chuyển giao công nghệ mới: Có khả năng tiếp cận và chuyển giao công nghệ mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty;
 - Đào tạo nguồn nhân lực;
 - Nâng cao năng lực tài chính;
 - Quản trị doanh nghiệp;
 - Cung ứng nguyên vật liệu;
 - Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm: Có khả năng mở rộng, đa dạng hóa ngành nghề phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty
- ✓ Thực hiện đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về Nhà đầu tư chiến lược tham gia mua cổ phần.

Trường hợp Công ty cổ phần Nước Aqua One không thực hiện đúng cam kết, vi phạm hạn chế chuyển nhượng theo quy định thì Công ty cam kết bồi thường mọi tổn thất xảy ra theo đúng hợp đồng cam kết và quy định của pháp luật hiện hành.

▪ ***Giá cổ phần chào bán cho nhà đầu tư chiến lược:***

Tổng số cổ phần dự kiến bán cho nhà đầu tư chiến lược 8.260.000 cổ phần, tương ứng 82.600.000.000 đồng chiếm 35% vốn điều lệ của công ty cổ phần.

Theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì “Nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có năng lực tài chính và có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về: chuyển giao công nghệ mới; đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm”.

Theo quy định tại Tiết đ, Khoản 3, Điều 6, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ thì: “Giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với trường hợp bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược sau khi đấu giá công khai thì giá bán do Ban Chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận trực tiếp với các nhà đầu tư chiến lược nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

- Đối với trường hợp thỏa thuận trực tiếp hoặc đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược có đủ tiêu chuẩn và đã thực hiện đăng ký mua trước khi thực hiện đấu giá công khai là giá thỏa thuận giữa các bên (trường hợp thỏa thuận) hoặc là giá đấu thành công (đối

với trường hợp đấu giá) nhưng không thấp hơn giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa phê duyệt.”

Nhà đầu tư chiến lược được mua cổ phần trước khi thực hiện bán đấu giá công khai. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa sẽ thỏa thuận trực tiếp bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, đảm bảo nguyên tắc không thấp hơn giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa phê duyệt.

Nhà đầu tư chiến lược sẽ tiến hành nộp tiền đặt cọc vào tài khoản phong tỏa của Công ty ngay sau khi Phương án cổ phần hóa được UBND Tỉnh Phú Yên phê duyệt. Số tiền nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc tương ứng với **10%** giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư chiến lược không được nhận lại tiền cọc.

▪ **Quy định về hạn chế chuyển nhượng:**

Theo quy định tại Tiết c, Khoản 3, Điều 6, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ thì : “Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận”.

5.5 Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

Số cổ phần thực hiện bán cho các nhà đầu tư bên ngoài như sau:

- Tổng số lượng cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài: **2.683.900** cổ phần, chiếm 11,38% vốn điều lệ.
- Giá khởi điểm là **10.000** đồng/cổ phần.
- Thời gian bán đấu giá: Dự kiến tháng **6/2015**, sau khi có Quyết định của UBND tỉnh Phú Yên phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty TNHH MTV PYSUWADCO thành công ty cổ phần.
- Tổ chức thực hiện bán đấu giá: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật (Theo quy định tại Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ).

6. Loại cổ phần và phương thức phát hành

6.1 Loại cổ phần

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

6.2 Giá khởi điểm:

Giá khởi điểm chào bán cổ phần ra bên ngoài là: 10.000đ/cổ phần

6.3 Phương thức phát hành

- Việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược được thực hiện theo phương thức thỏa thuận trực tiếp.
- Việc bán cổ phần với giá ưu đãi cho cán bộ công nhân viên được thực hiện tại doanh nghiệp, theo danh sách đã được phê duyệt.
- Cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác thông qua hình thức bán đấu giá được tổ chức tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

7. Chi phí cổ phần hóa

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính, tổng mức chi phí tối đa của doanh nghiệp cổ phần hóa có giá trị doanh nghiệp trên sổ kế toán trên 100 tỷ đồng là không quá 500 triệu đồng.

Giá trị thực tế của Công ty theo sổ sách vào thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là **374.170.149.878** đồng nên tổng chi phí cổ phần hóa của Công ty sẽ là **500.000.000** đồng.

Tổng mức chi phí cổ phần hóa dự kiến gồm các khoản mục chính sau:

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	CHI PHÍ (Đồng)
A.	Các khoản chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp	86.500.000
1	Chi phí đăng báo công bố thông tin mời nhà đầu tư chiến lược	5.000.000
2	Lệ phí thanh toán tổ chức bán đấu giá cổ phần*	81.500.000
B	Thuê các Đơn vị có chức năng thực hiện các công việc liên quan	265.000.000
1	Thuê Đơn vị tư vấn cổ phần hóa trọn tư vấn xây dựng Phương án cổ phần hóa, Tư vấn lập hồ sơ bán đấu giá cổ phần, Tư vấn tổ chức đại hội cổ đông thành lập, Tư vấn các thủ tục hoàn tất cổ phần hóa.	265.000.000
C.	Chi phí hoạt động và thù lao Ban chỉ đạo cổ phần hoá và Tổ giúp việc	148.500.000
	TỔNG CỘNG	500.000.000

Ghi chú:

(*) Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BTC ngày 16/1/2014 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bán đấu giá cổ phần và các loại chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán, lệ phí bán đấu giá cổ phần tại Sở Giao dịch Chứng khoán và các tổ chức được phép tổ chức bán đấu giá cổ phần là 0,3% trên tổng giá trị cổ phần thực tế bán được, tối đa là 300 triệu đồng/1 cuộc bán đấu giá cổ phần và tối thiểu là 20.000.000 đồng/1 cuộc bán đấu giá cổ phần.

Công ty TNHH MTV Cấp Thoát nước Phú Yên kính trình Ban chỉ đạo cổ phần hóa xem xét, trình Ủy ban Nhân dân Tỉnh Phú Yên phê duyệt chi phí cổ phần hóa dự kiến của

Công ty như trên. Chi phí cổ phần hóa của Công ty sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

8. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán ra được bán hết với giá khởi điểm 10.000 đồng và giá đấu thành công thấp nhất là 10.000 đồng/cổ phần, chi tiết như sau:

TT	Dự kiến số tiền thu được sau khi bán cổ phần		Số tiền (đồng)
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(a)	236.000.000.000
2	Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	(b)	236.043.556.675
3	Tiền thu từ cổ phần hoá	(c)	114.772.800.000
3.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV		5.277.800.000
	+ Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước (giá bán giảm 40% so với giá đấu thành công thấp nhất)		1.300.800.000
	+ Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần		4.033.000.000
3.2	Thu từ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược		82.600.000.000
3.3	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài		26.839.000.000
4	Giá trị mệnh giá cổ phần đã bán cho CBNV, nhà đầu tư chiến lược, bán đấu giá ra bên ngoài	(d)	115.640.000.000
5	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại DN	(e) = (a) – (b)	-
6	Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện	(f)	500.000.000
7	Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư	(g)	297.948.812
8	Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm /Vốn điều lệ	(h) = [(c)–(d) – (f) – (g)] x [(e)/(a)]	-
Tổng số tiền nộp vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		(c) – (e) – (f) – (g) – (h)	113.974.851.188

Công ty sẽ nộp tiền vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định sau khi hoàn tất việc bán cổ phần ra bên ngoài.

9. Phương án sắp xếp lại lao động

9.1 Phương án sử dụng lao động

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình Công ty cổ phần; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động dự kiến của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phát huy được năng lực của người lao động, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	213
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ (Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, KTT)	6
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	207
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	151
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	49
	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn <12 tháng	7
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty	-
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	5
1	Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành	-
2	Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ, chia ra:	1
	- Hết hạn HĐLĐ	-
	- Tự nguyện chấm dứt HĐLĐ	1
	- Chấm dứt hợp đồng lao động với lý do khác theo quy định của pháp luật	-
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp CPH, chia ra:	4
	- Số lao động dôi dư thực hiện theo NĐ số 91/2010/NĐ-CP	4
	- Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm	-
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	208
1	Số lao động mà HĐLĐ còn thời hạn	208
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ BHXH, chia ra:	-
	- Ốm đau	-

STT	Nội dung	Tổng số
	- Thai sản	-
	- Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	-
3	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện HĐLĐ, chia ra:	-
	- Nghĩa vụ quân sự	-
	- Nghĩa vụ công dân khác	-
	- Bị tạm giam, tạm giữ	-
	- Do 2 bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)	-

Xem Phương án lao động đính kèm

Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Tổng cộng	208	100%
Phân theo trình độ lao động		
- Trình độ đại học và trên đại học	46	22,11%
- Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	155	74,52%
- Trình độ khác	7	3,37%
Phân theo loại hợp đồng lao động		
Hợp đồng không thời hạn	152	73,07
Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	49	23,56
Hợp đồng có thời hạn <12 tháng	7	3,37
Phân theo giới tính		
- Nam	165	79,71
- Nữ	43	20,29

9.2 Kế hoạch xử lý lao động dôi dư

Công ty áp dụng theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần; Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội về hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Tại thời điểm sắp xếp chuyển đổi, Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên có **04 người lao động** không bố trí được việc làm. Đối tượng lao động này sẽ thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động và được hưởng các chính sách đối với người lao động dôi dư theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 3 Nghị định 91/2010/NĐ-CP.

Căn cứ theo Khoản 3 Điều 7 Thông tư 38/2010/TT-BLĐTXBH: “Trong thời hạn 15 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án giải quyết lao động dôi dư, công ty, đơn vị thực hiện giải quyết chính sách đối với người lao động”. Do vậy, Công ty tạm tính mức hỗ trợ hỗ trợ người lao động dôi dư được hưởng tính đến thời điểm 30/05/2015 là **297.948.812 đồng**, bao gồm:

▪ **Đối tượng nghỉ hưu trước tuổi hưởng chính sách theo Nghị định số 91/2010/NĐ-CP(02 người) là 263.502.612 đồng, cụ thể:**

- Hỗ trợ 03 tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) cho mỗi năm (đủ 12 tháng, không tính tháng lẻ) nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 50 Luật Bảo hiểm xã hội (BHXH): **130.918.788 đồng** (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định 91/2010/NĐ – CP);
- 05 tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) cho 20 năm đầu làm việc có đóng BHXH: **54.549.494 đồng** (theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định 91/2010/NĐ – CP);
- Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm làm việc có đóng BHXH được trợ cấp thêm ½ tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có). Trường hợp số năm làm việc có tháng lẻ thì được tính theo nguyên tắc trên 06 tháng được tính là 01 năm, đủ 06 tháng trở xuống không được tính: **78.034.330 đồng** (theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định 91/2010/NĐ – CP và điểm b khoản 2 Điều 3 Thông tư 38/2010/TT-BLĐTXBH).

▪ **Đối tượng mất việc thực hiện chấm dứt HĐLĐ và hưởng chính sách đối với lao động dôi dư theo quy định tại Nghị định 91/2010/NĐ-CP (01 người):**

- Hỗ trợ 01 tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) cho mỗi năm (đủ 12 tháng, số tháng lẻ cộng dồn vào giai đoạn tiếp theo) thực tế làm việc trong khu vực nhà nước: **7.333.400 đồng** (theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3 Nghị định 91/2010/NĐ – CP);
- Hỗ trợ thêm 01 tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) cho mỗi năm (đủ 12 tháng, số tháng lẻ cộng dồn vào giai đoạn tiếp theo) thực tế làm việc trong khu vực nhà nước: **20.094.200 đồng** (theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 3 Nghị định 91/2010/NĐ – CP);
- 06 tháng tiền lương và phụ cấp lương để đi tìm việc làm: **14.352.000 đồng** (theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 3 Nghị định 91/2010/NĐ – CP).

Do đó tổng nguồn kinh phí chi trả cho người lao động dự kiến là **305.282.212 đồng**, trong đó:

- Công ty chi trả: **7.333.400 đồng**;

- Tiền thu từ tiền bán cổ phần lần đầu (Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp) chi trả: **297.948.812** đồng.

Nguồn kinh phí chi trả cho người lao động sẽ được quyết toán theo số liệu thực tế chi trả cho người lao động tại thời điểm người lao động chính thức nghỉ việc.

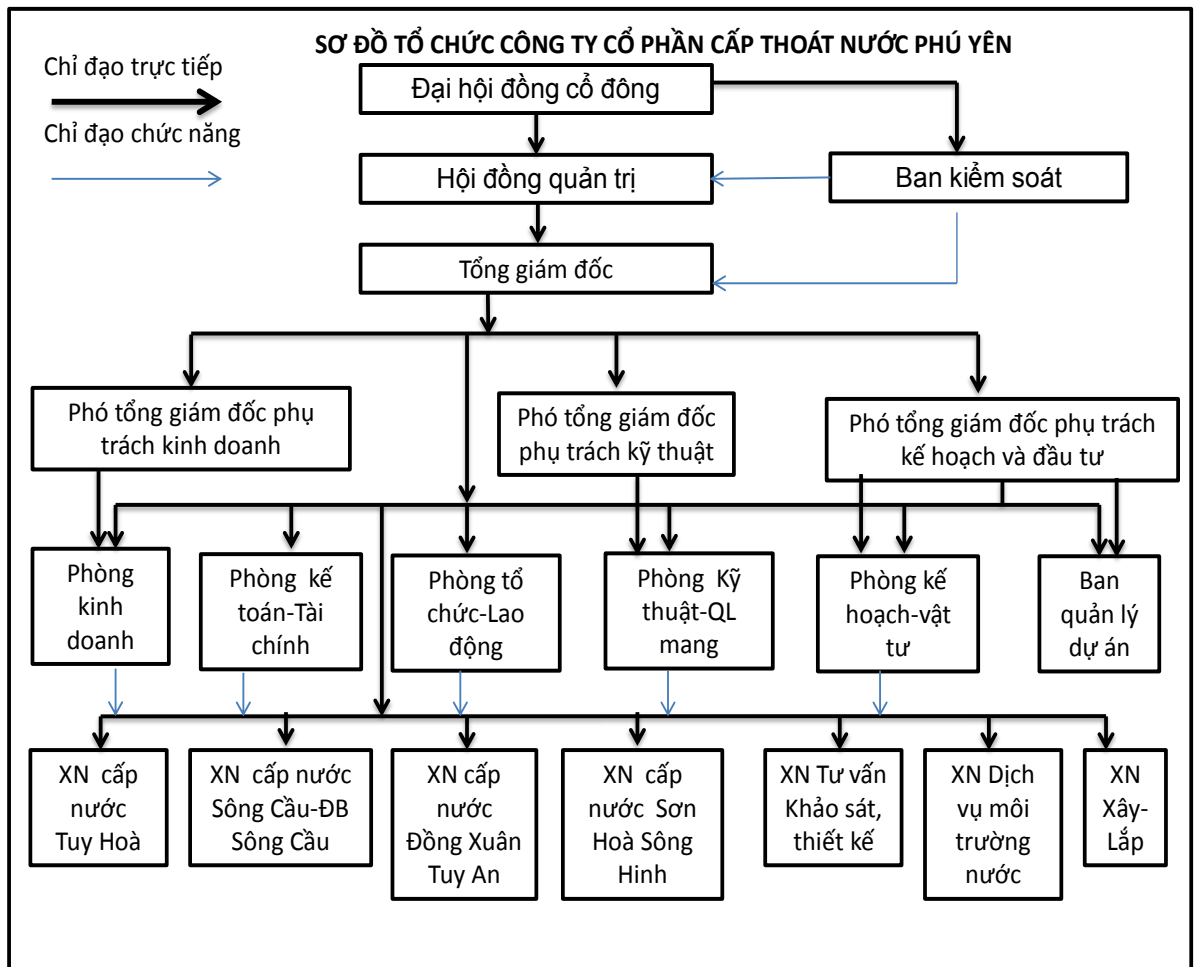
Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

9. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.

Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty như sau:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc



- 06 Phòng chức năng: Phòng Tổ chức – lao động; Phòng kế toán – tài chính; Phòng

Kế hoạch –vật tư; Phòng Kinh doanh; Phòng Kỹ thuật- QL mạng; **Phòng Đầu tư.**

- 07 xí nghiệp trực thuộc Công ty (hoặc chi nhánh Công ty): XN cấp nước Sông cầu và ĐB Sông cầu; XN cấp nước Đồng Xuân và Tuy An; XN cấp nước Tp Tuy Hòa (gồm Tp Tuy hòa, Phú Hòa, Hòa Vinh, An Phú, Vũng Rô); XN cấp nước Sơn Hòa, Sông Hinh; Xí nghiệp dịch vụ môi trường nước (quản lý, vận hành và duy tu hệ thống nước mưa và nước thải); Xí nghiệp Tư vấn khảo sát thiết kế; XN Xây lắp.

STT	CHỨC DANH CÔNG VIỆC	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	ĐỊNH BIÊN (người)
I	Hội đồng quản trị	Đại học	5
	Tổng giám đốc và các phó tổng	Đại học	4
	Ban kiểm soát	Đại học	3
	Thư ký hội đồng quản trị	Đại học	1
II	PHÒNG TỔ CHỨC - LAO ĐỘNG		8
	Trưởng phòng	Đại học	1
	Phó trưởng phòng	Đại học	1
	Nhân viên lao động- bảo hiểm	Đại học	2
	Nhân viên văn thư lưu trữ	Trung cấp- cao đẳng	1
	Nhân viên pháp chế	Đại học- luật	1
	Nhân viên lái xe	Tốt nghiệp PTTH	2
	Nhân viên tạp vụ, chăm sóc cây	Tốt nghiệp PTTH	
III	PHÒNG KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH		7
	Kế toán trưởng	Đại học	1
	Phó trưởng phòng	Đại học	1
	Nhân viên kế toán tổng hợp	Đại học	1
	Nhân viên kế toán thuế	Đại học	1
	Nhân viên kế toán thanh toán, lương	Đại học	1
	Nhân viên kế toán tài sản- XDCB	Đại học	1
	Thủ quỹ	Trung cấp	1
IV	PHÒNG KỸ THUẬT - QL MẠNG		13
	Trưởng phòng	Đại học	1
	Phó trưởng phòng	Đại học	1
	Nhân viên quản lý mạng	Đại học	1
	Nhân viên quản lý sản xuất	Đại học	2

STT	CHỨC DANH CÔNG VIỆC	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	ĐỊNH BIÊN (người)
	Nhân viên quản lý thiết bị, điện	Đại học	1
	Nhân viên kiểm soát thiết kế dự toán	Đại học	1
	Nhân viên quản lý thoát nước	Đại học	1
	Nhân viên quản lý chất lượng nước	Đại học	1
	Nhân viên quản lý thiết bị hóa nghiệm	cao đẳng	1
	Nhân viên phân tích mẫu nước	Đại học, cao đẳng	3
V	PHÒNG KẾ HOẠCH - VẬT TƯ		6
	Trưởng phòng	Đại học	1
	Phó trưởng phòng	Đại học	1
	Nhân viên vật tư	Đại học	1
	Nhân viên tổng hợp	Đại học	1
	Nhân viên theo dõi XDCH	Đại học	1
	Thủ kho	trung cấp	1
VI	PHÒNG KINH DOANH		6
	Trưởng phòng	Đại học	1
	Phó trưởng phòng	Đại học	1
	Nhân viên quan hệ khách hàng, tổng hợp	Đại học	1
	Nhân viên quản lý khách hàng	Đại học, cao đẳng	3
VII	PHÒNG ĐẦU TƯ		3
	Phó ban trực	Đại học	1
	Nhân viên phụ trách kỹ thuật và Kế hoạch	Đại học	1
	Nhân viên kế toán	cao đẳng	1
VIII	XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC TUY HOÀ		78
	Giám đốc xí nghiệp	Đại học	1
	Phó giám đốc xí nghiệp	Đại học	2
	Cán bộ kỹ thuật	Đại học	4
	Nhân viên kế toán	Đại học	2
	Nhân viên vận hành	Công nhân	32
	Nhân viên sửa chữa, lắp đặt	Công nhân	16
	Nhân viên chăm sóc khách hàng	Công nhân	6

STT	CHỨC DANH CÔNG VIỆC	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	ĐỊNH BIÊN (người)
	Nhân viên ghi thu tiền nước	Công nhân	14
	Nhân viên thủ kho, thủ quỹ	Trung cấp	1
IX	XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC SÔNG CẦU- ĐB SÔNG CẦU		27
	Giám đốc xí nghiệp	Đại học	1
	Phó giám đốc xí nghiệp	Đại học	1
	Cán bộ kỹ thuật	Đại học	2
	Nhân viên kế toán	Đại học	1
	Nhân viên vận hành	Công nhân	9
	Nhân viên sửa chữa, lắp đặt	Công nhân	4
	Nhân viên chăm sóc khách hàng	Công nhân	2
	Nhân viên ghi thu tiền nước	Công nhân	5
	Nhân viên thủ kho, thủ quỹ	Trung cấp	2
X	XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC ĐỒNG XUÂN - TUY AN		25
	Giám đốc xí nghiệp	Đại học	1
	Phó giám đốc xí nghiệp	Đại học	1
	Cán bộ kỹ thuật	Đại học	2
	Nhân viên kế toán	Đại học	1
	Nhân viên vận hành	Công nhân	9
	Nhân viên sửa chữa, lắp đặt	Công nhân	3
	Nhân viên chăm sóc khách hàng	Công nhân	2
	Nhân viên ghi thu tiền nước	Công nhân	4
	Nhân viên thủ kho, thủ quỹ	Trung cấp	2
XI	XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC SƠN HOÀ - SÔNG HINH		27
	Giám đốc xí nghiệp	Đại học	1
	Phó giám đốc xí nghiệp	Đại học	1
	Cán bộ kỹ thuật	Đại học	2
	Nhân viên kế toán	Đại học	1
	Nhân viên vận hành	Công nhân	10
	Nhân viên sửa chữa, lắp đặt	Công nhân	4

STT	CHỨC DANH CÔNG VIỆC	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	ĐỊNH BIÊN (người)
	Nhân viên chăm sóc khách hàng	Công nhân	2
	Nhân viên ghi thu tiền nước	Công nhân	4
	Nhân viên thủ kho, thủ quỹ	Trung cấp	2
XII	XÍ NGHIỆP DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG NƯỚC		15
	Giám đốc xí nghiệp	Đại học	1
	Phó giám đốc xí nghiệp	Đại học	1
	Cán bộ kỹ thuật	Đại học	2
	Nhân viên kế toán	Đại học	1
	Nhân viên vận hành	Công nhân	8
	Nhân viên sửa chữa, lắp đặt, chăm sóc khách hàng	Công nhân	2
XIII	XÍ NGHIỆP TƯ VẤN		7
	Giám đốc xí nghiệp	Đại học	1
	Phó giám đốc xí nghiệp	Đại học	1
	Cán bộ kỹ thuật	Đại học	4
	Nhân viên kế toán	Đại học	1

10. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển sau khi cổ phần hóa

10.1. Định hướng phát triển của Công ty

Kế hoạch kinh doanh 3 năm sau cổ phần

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	236.000	236.000	236.000
2	Tổng số lao động	Người	220	220	220
3	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	14.860	15.306	16.224
4	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Tr.đồng/người /tháng	6,1	6,6	7,0
5	Tổng doanh thu	Tr.đồng	78.517	83.228	88.222
6	Tổng chi phí	Tr.đồng	70.193	72.299	74.468
7	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	8.324	10.929	13.753

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
8	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	6.659	8.743	11.003
9	LNST/Vốn điều lệ	%	2,82%	3,7%	4,66%
10	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	%	2,5%	3,5%	4,0%
11	Tiền chi trả cổ tức	Tr. Đồng	5.900	8.260	9.440
12	Trích quỹ	Tr. Đồng	759	483	1.563

Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên

Ghi chú: Lợi nhuận sau thuế được tính trên cơ sở Chính phủ giảm thuế thu nhập doanh nghiệp từ ngày 01/1/2014, cụ thể là tỷ suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% cho năm 2016 đến năm 2018.

10.2. Biện pháp thực hiện

❖ Đối với tổ chức bộ máy Công ty cổ phần

Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.

Cơ cấu quản lý và bộ máy tổ chức Công ty cũng sẽ được sắp xếp, tinh giản ở mức hợp lý nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả. Việc sử dụng lao động sau khi chuyển sang Công ty cổ phần thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Sử dụng tối đa số lao động hiện có tại thời điểm cổ phần hoá, trên tinh thần tinh gọn, hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu và định hướng hoạt động trong tương lai của Công ty.
- Chọn lựa cán bộ có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức để xem xét đưa vào danh sách cán bộ quy hoạch, dự bị nhằm chủ động có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nguồn cán bộ kế thừa.
- Quy hoạch điều động nguồn nhân lực trong nội bộ Công ty, thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực.
- Đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp đồng thời tạo môi trường và điều kiện làm việc ngày càng tốt hơn cho người lao động; xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.
- Công ty cũng sắp xếp lại và củng cố một số phòng ban để tập trung thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ Mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng chiến lược đầu tư phát triển hệ thống cấp nước, phát triển thị trường

và có các giải pháp cụ thể để thực hiện chiến lược phát triển Công ty, từng bước Công ty phát triển và tăng trưởng bền vững.

- Xây dựng đơn giá sản phẩm, dịch vụ dựa trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật từng ngành theo quy định, đề nghị các ngành liên quan trình UBND Tỉnh ra quyết định phê duyệt làm cơ sở thực hiện.
- Thực hiện chủ trương đa ngành, đa nghề. Tập trung nghiên cứu và phát triển thêm một số ngành nghề mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- Quản lý vận hành tốt các nhà máy nước trực thuộc:
- Quản lý chất lượng nước đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế.
- Thực hiện tốt các dịch vụ, chăm sóc khách hàng; quản lý theo hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008; Tính toán giá nước hợp lý, khuyến khích người tiêu dùng gia tăng khối lượng tiêu thụ.
- Cải tiến công tác ghi thu tiền nước, giảm tỷ lệ tồn ghi, tồn thu xuống mức thấp nhất.

❖ **Dự kiến kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản.**

- Đầu tư cải tạo nâng cấp NMN Tuy Hòa đạt Công suất 30.000 m³/ngày đêm. Tập trung cải tạo nâng cấp nguồn nước khai thác, công trình thu nước và Khu xử lý nước sạch. Dự kiến tổng mức đầu tư khoảng 200 tỷ đồng.
- Đầu tư cải tạo nâng cấp NMN TX Sông Cầu đạt Công suất 5.000 m³/ngày đêm (định hướng Công suất 15.000 m³/ngày đêm). Dự kiến tổng mức đầu tư khoảng 210 tỷ đồng.
- Đầu tư cải tạo nâng cấp NMN Sông Hinh đạt Công suất 3.000 m³/ngày đêm. Dự kiến tổng mức đầu tư khoảng 3,5 tỷ đồng.
- Đầu tư xây dựng mới NMN thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa Công suất 2.000 m³/ngày đêm. Dự kiến tổng mức đầu tư khoảng 50 tỷ đồng.
- Đầu tư xây dựng mới NMN thị trấn Hòa Vinh, huyện Đông Hòa Công suất 10.000 m³/ngày đêm. Dự kiến tổng mức đầu tư khoảng 70 tỷ đồng.
- Thực hiện chương trình chống thất thoát nước sử dụng nguồn vốn ODA theo quyết định của UBND Tỉnh, phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát nước trong toàn Công ty xuống còn 15%. Dự kiến tổng mức đầu tư khoảng 100 tỷ đồng.
- Tham gia góp vốn đầu tư nhà máy nước cung cấp cho Khu Nhà máy lọc dầu Vũng Rô, Khu kinh tế Nam Phú Yên và cho nhu cầu dân sinh gần khu vực dự án với hình thức đầu tư: BOO (Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh) theo chỉ đạo của UBND Tỉnh, công suất 60.000 m³/ngày đêm. Dự kiến tổng mức đầu tư khoảng 1.000 tỷ đồng (trong đó Công ty tham gia góp vốn khoảng: 100 tỷ đồng)
- Nhu cầu vốn cho những năm tới để đầu tư của công cổ phần cấp thoát nước Phú Yên cần khoảng: 734 tỷ đồng. Để giải quyết vốn cho đầu tư phát triển sản xuất, Công ty cần phải huy động vốn từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước bằng các hình thức: Hợp tác kinh doanh; Công ty liên doanh; Công ty liên kết; Nhà nước hỗ trợ để Công ty được vay vốn tín dụng ưu đãi của nhà

nước, vốn ODA.

❖ **Biện pháp tiết kiệm chi phí thông qua việc chống thất thoát nước**

Công ty sẽ tích cực thực hiện công tác chống thất thoát nước bằng các biện pháp cụ thể như:

- Tăng cường công tác quản lý đồng hồ đo nước: đầu tư mới, lựa chọn chủng loại đồng hồ đạt tiêu chuẩn cao; kiểm định ban đầu, định kỳ; thay thế đồng hồ đến hạn kiểm định; tăng cường kiểm tra chống thất thoát qua đồng hồ.
- Khai thác, sử dụng tối đa phần mềm GIS để quản lý hệ thống kỹ thuật hạ tầng, đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thủy lực, quản lý mạng...

Các biện pháp tiết kiệm chi phí khác:

- Thực hiện tốt các bước trong quy trình xây dựng cơ bản, đầu tư trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên thứ tự hiệu quả đầu tư.
- Đảm bảo giá thành vật tư phù hợp với chủng loại và chất lượng sản phẩm.
- Chống lãng phí về thời gian lao động: định mức, định biên lại các công việc tại các đơn vị trực thuộc để giảm chi phí và tăng thu nhập.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tiến hành sắp xếp cải tiến công việc, định mức lại công việc và thực hiện khoán quỹ lương cho các đơn vị trực thuộc.

II. KIẾN NGHỊ - KẾT LUẬN

KIẾN NGHỊ

Kính đề nghị UBND Tỉnh có lộ trình tăng biểu giá nước sạch hợp lý trên cơ sở tính đúng, tính đủ các khoản chi phí sản xuất và một tỷ lệ lợi nhuận hợp lý để Công ty phát triển trong tương lai.

Tỉnh tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công ty thực hiện các phương án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước cho tỉnh bằng các nguồn vốn liên doanh, liên kết, vay vốn ở trong và ngoài nước. Để Công ty có đủ sức mạnh để kinh doanh có hiệu quả.

Quý chính quyền địa phương, quý sở ban ngành liên quan, các tổ chức đoàn thể có trách nhiệm cùng Công ty tham gia quản lý, bảo quản hệ thống cấp nước.

KẾT LUẬN

Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên là phù hợp với chủ trương của nhà nước và cần thiết để mở rộng quy mô hoạt động của doanh nghiệp cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kính trình Ủy ban nhân dân Tỉnh Phú Yên xem xét và phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Phú Yên để Công ty triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo đúng theo quy định của Nhà nước.

PHẦN III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty được phê duyệt và có quyết định của UBND Tỉnh Phú Yên về việc chuyển Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên thành Công ty cổ phần, Công ty dự kiến triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Phê duyệt phương án cổ phần hóa	T5/2015
2	Tổ chức bán đấu giá cổ phần cho nhà đầu tư bên ngoài	T6/2015
3	Tổ chức bán cổ phần cho CB CNV, nhà đầu tư chiến lược	T6/2015
4	Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hóa, tổ chức bán thỏa thuận số lượng cổ phần không bán hết (nếu có)	T8/2015
5	Điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ (nếu có), cử người đại diện phần vốn Nhà nước và thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thành lập	T8/2015
6	Tổ chức Đại hội cổ đông thành lập thông qua Điều lệ, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	T9/2015
7	Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần	T9/2015
8	Làm thủ tục đăng ký kinh doanh và xin cấp dấu mới cho Công ty cổ phần, in Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần cho cổ đông	T9 – T10/2015
9	Tổ chức ra mắt Công ty cổ phần, đăng báo theo quy định để Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động	T11 -T12/2015

Phú Yên, ngày 06 tháng 05 năm 2015

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN



NGUYỄN PHÚ